

| | | | |
|---------------------------|-------------------|--------------|--------------|
| Ngày 31/03/2024 | 15,700 VNĐ | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | 17.2% | 18.5% | 35.3% |

| | | |
|------------|-------------|--------------------------|
| | 2023 | |
| ROE | 5.1% | +/- YoY ▲ 3.4% |

| | | | |
|-----------------|--------------|---------------------------------------|--|
| | Q1/24 | | |
| DT thuần | 1,622 | QoQ ▲ 9.00 ▲ 0.5% | YoY ▲ 1,070 ▲ 194% |
| | tỷ VNĐ | | |

| | | |
|-----------------|--------------|---------------------------------------|
| | 2023 | |
| DT thuần | 2,736 | YoY ▲ 42.0 ▲ 1.5% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|---------------|------------|---------------------------------------|--------------------------------------|
| | Q1/24 | | |
| LN gộp | 645 | QoQ ▼ 7.00 ▼ 1.1% | YoY ▲ 447 ▲ 226% |
| | tỷ VNĐ | | |

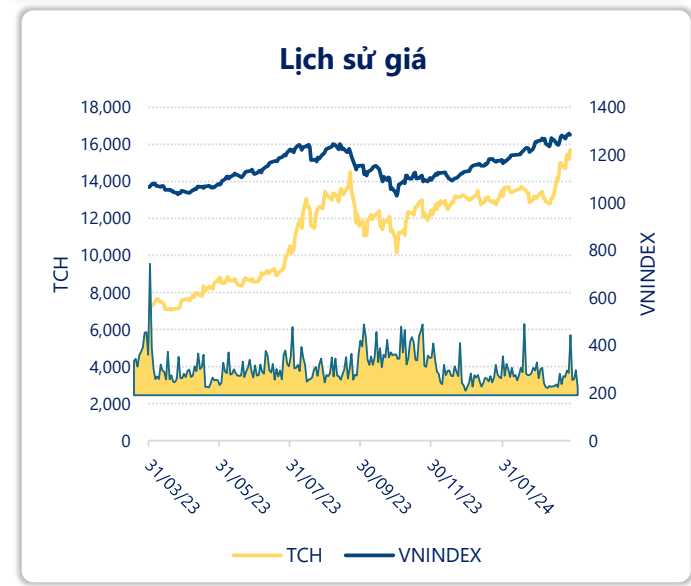
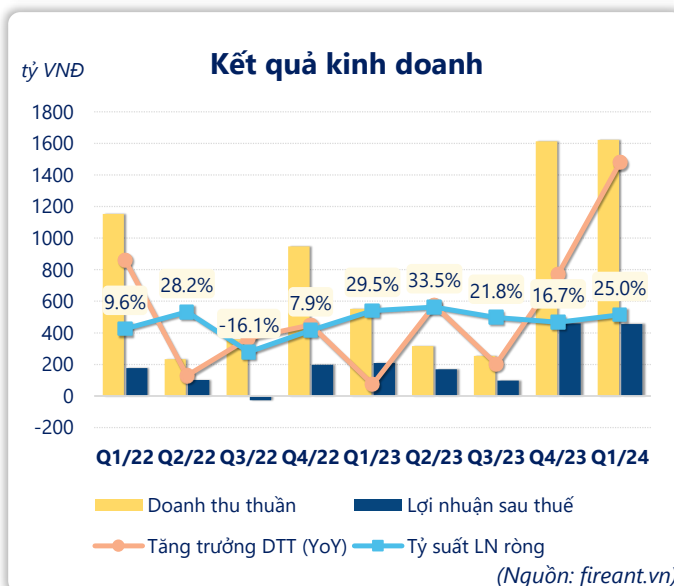
| | | |
|---------------|--------------|---------------------------------------|
| | 2023 | |
| LN gộp | 1,006 | YoY ▲ 494 ▲ 96.5% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|-----------------|------------|---------------------------------------|--------------------------------------|
| | Q1/24 | | |
| LN thuần | 539 | QoQ ▼ 36.0 ▼ 6.3% | YoY ▲ 277 ▲ 106% |
| | tỷ VNĐ | | |

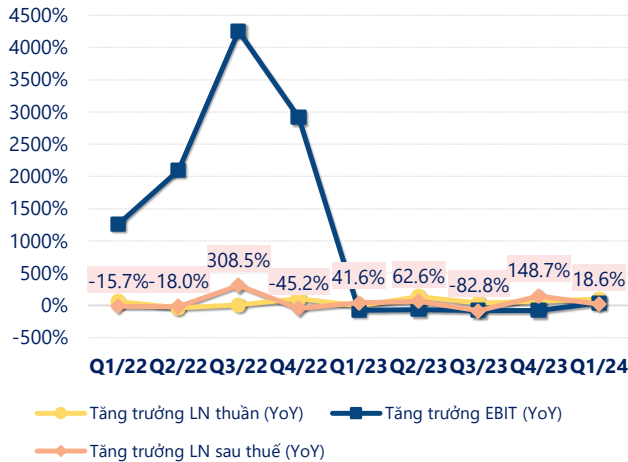
| | | |
|-----------------|--------------|---------------------------------------|
| | 2023 | |
| LN thuần | 1,165 | YoY ▲ 446 ▲ 62.0% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|--------------------|------------|---------------------------------------|--------------------------------------|
| | Q1/24 | | |
| LN sau thuế | 455 | QoQ ▼ 5.00 ▼ 1.0% | YoY ▲ 245 ▲ 117% |
| | tỷ VNĐ | | |

| | | |
|--------------------|------------|--------------------------------------|
| | 2023 | |
| LN sau thuế | 937 | YoY ▲ 489 ▲ 109% |
| | tỷ VNĐ | |

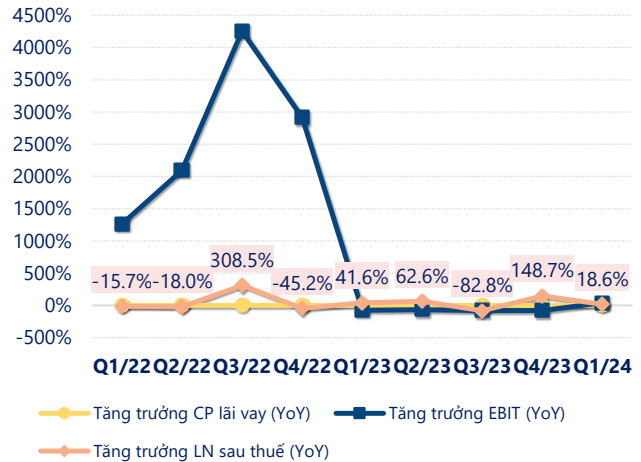


Tăng trưởng lợi nhuận



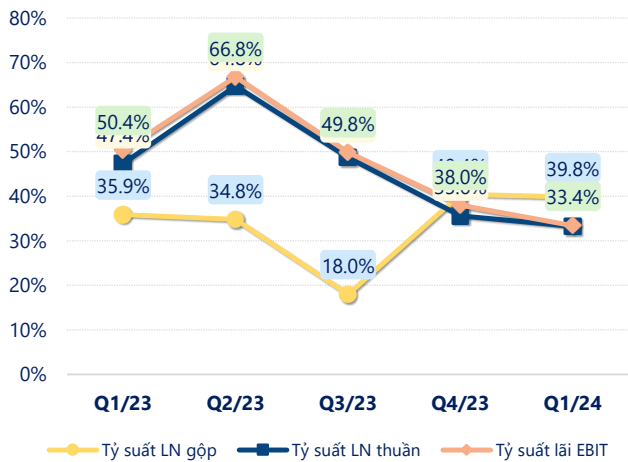
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



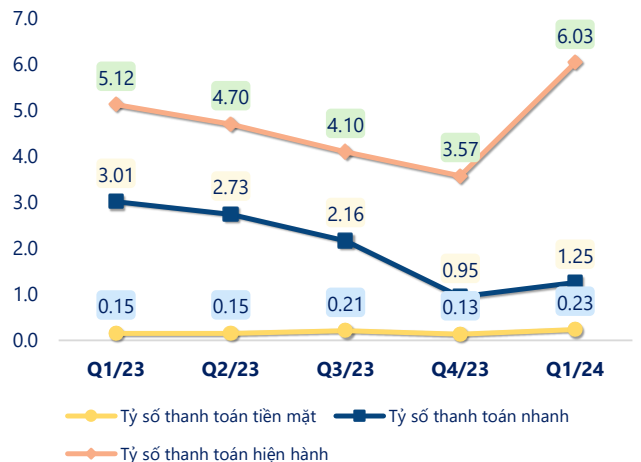
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



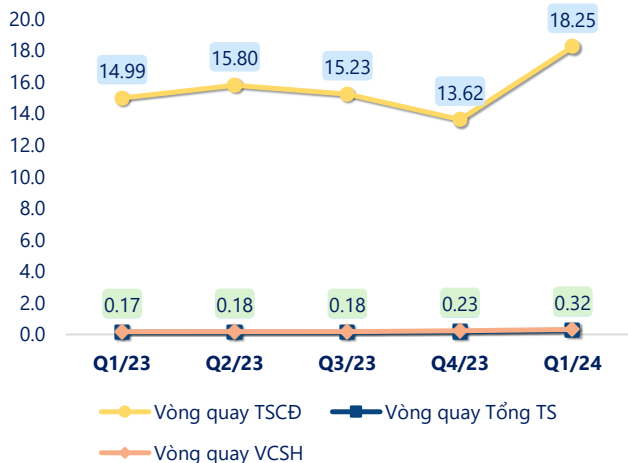
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



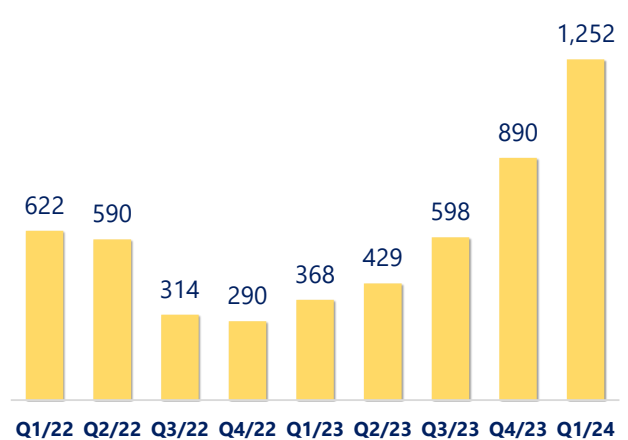
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS



(Nguồn: fireant.vn)

| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | Q1/24 | Q1/23 | Thay đổi YoY | 2023 | 2022 | Thay đổi YoY |
|--------------------------------|--------------|-------------|-----------------|--------------|--------------|-----------------|
| Doanh thu thuần | 1,622 | 552 | 194% | 2,736 | 2,694 | 1.5% |
| Giá vốn hàng bán | 977 | 354 | 176% | 1,730 | 2,182 | -20.7% |
| Lợi nhuận gộp | 645 | 198 | 226% | 1,006 | 512 | 96.5% |
| Doanh thu HĐTC | 33.4 | 120 | -72.2% | 452 | 426 | 6.2% |
| Chi phí TC | -0.34 | 15.4 | -102% | 53.7 | 81.0 | -33.6% |
| Chi phí lãi vay | -0.45 | 15.4 | -103% | 50.0 | 74.0 | -32.4% |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| Chi phí bán hàng | 124 | 26.5 | 369% | 169 | 58.2 | 191% |
| Chi phí QLDN | 15.7 | 14.5 | 8.0% | 70.8 | 79.7 | -11.1% |
| LN thuần từ HĐKD | 539 | 262 | 106% | 1,165 | 719 | 62.0% |
| Lợi nhuận khác | 2.77 | 1.02 | 171% | 14.1 | -9.53 | 248% |
| LN trước thuế | 542 | 263 | 106% | 1,179 | 710 | 66.1% |
| Lợi nhuận sau thuế | 455 | 210 | 117% | 937 | 448 | 109% |
| LNST của CĐ cty mẹ | 405 | 163 | 148% | 594 | 194 | 207% |

(Nguồn: fireant.vn)

